

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Năm
2. Ông Phạm Quốc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Quân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông A, sinh năm: 1961

Địa chỉ: số 132 Liên khu 5-6 phường X, quận Y, thành phố Z.

Người đại diện theo ủy quyền: ông A1, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 125/75 Bùi Đình Túy phường 24 quận Y1 thành phố Z

Văn bản ủy quyền ngày: 08/01/2022 (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp M xã N huyện T tỉnh Long An (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà C, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp M xã N huyện T tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông A ủy quyền cho ông A1 trình bày:

Nay ông được ông A ủy quyền tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan trong vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông B.

Ông B và bà C là vợ chồng.

Ông A và ông B là chỗ quen biết thông qua ông D.

Vào ngày 07/9/2020 ông A có cho ông B vay số tiền 206.720.000 đồng, khi vay có làm giấy tay, ông D viết giấy tay, ông B có ký tên vào giấy tay, mục đích vay để ông B đóng thuế quyền sử dụng đất và tiêu xài trong gia đình. Cùng ngày ông A giao số tiền trên cho ông B. Ông B hẹn ông A 15/10/2020 sẽ trả cho ông A số tiền trên, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng nhưng sau khi vay cho đến nay ông B không trả tiền lãi cho ông A.

Đến hẹn ông B không trả nợ cho ông A, cố tình lánh mặt ông A.

Do đó nay ông A khởi kiện yêu cầu ông B có trách nhiệm hoàn trả cho ông A số tiền vay là 206.720.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/10/2020 đến ngày 12/9/2022 theo lãi suất do pháp luật quy định.

Số tiền ông A cho ông B vay là tiền riêng của ông A, không liên quan vợ ông A là bà L.

Bị đơn ông B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B và bà C, thông báo cho ông B và bà C biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của ông A nhưng ông B và bà C không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của ông A.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng ông B và bà C vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Kim Thoa – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng ông B và bà C không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt ông B và bà C không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông B có trách nhiệm hoàn trả cho ông A số tiền vay 206.720.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông A khởi kiện yêu cầu ông B có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay là 206.720.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/10/2020 đến ngày 12/9/2022 theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Ông B và bà C có đăng ký thường trú tại xã N, huyện T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa vắng mặt ông B và bà C nhưng xét thấy ông B và bà C đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa vắng mặt ông A1 nhưng ông A1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông A1, ông B và bà C là phù hợp với **Điều 227, 228** Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L là vợ ông A trình bày số tiền ông A đang khởi kiện ông B là tiền riêng của ông A, trong vụ án này bà không có yêu cầu gì nên không cần thiết phải đưa bà L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông A khởi kiện yêu cầu ông B có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay 206.720.000 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 07/9/2020, ông A có cho ông B vay số tiền 206.720.000 đồng, hứa hoàn trả số tiền trên vào ngày 15/10/2020, khi vay có làm giấy tay, ông B có ký tên vào giấy tay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích vay để ông B đóng thuế quyền sử dụng đất và tiêu xài trong gia đình. Cùng ngày ông A giao số tiền trên cho ông B. Từ đó đến nay ông B không trả tiền gốc và lãi cho ông A.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an xã N xác nhận ông B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp M xã N, huyện T, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, ông B đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Tòa án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 07/9/2020 buộc ông B có trách nhiệm hoàn trả cho ông A số tiền vay 206.720.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, xét thấy: giấy mượn tiền ngày 07/9/2020 không thỏa thuận lãi suất tuy nhiên đến thời hạn trả nợ ông B không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự, ông A có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là:

$206.720.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 39.291.256 \text{ đồng}.$

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Do ông A thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí Tòa án và có Đơn xin miễn nộp cho nên không thực hiện việc hoàn lại tạm ứng án phí cho ông A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, **Điều 147**, Điều 227, **266, 267, 271, 273** của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 26** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông B.

Buộc ông B có trách nhiệm hoàn trả cho ông A số tiền vay 206.720.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi 39.291.256 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng), tổng cộng số tiền 246.011.256 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông B phải nộp 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện T,
- Chi cục THA huyện T,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Thùy Diễm

